TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48 /2025/DS-ST
Ngày: 24 – 9 – 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Việt Phương

2. Ông Tô Thành

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Ông Trần Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 09 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST–DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Lượng E, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau)

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2024, quá trình làm việc nguyên đơn trình bày: Ngày 15/3/2024 ông và ông Nguyễn Văn Đ có ký hợp đồng mua lúa với nhau. Theo đó ông đưa cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền cọc là 100.000.000 đồng để ông Đ cọc lúa cho các hộ dân. Thỏa thuận giá lúa là 8.400 đồng, cọc mua 300 tấn lúa. Đến khi nào cắt lúa thì ông đưa ghe đến để cân lúa.

Thời điểm đó ông có đến cân lúa, đã cân được 247 tấn lúa. Sau khi cân lúa thì ông đã trả hết tiền lúa nhưng không trừ tiền cọc lúa do ông Đ không đồng ý trừ do chưa cân đủ 300 tấn lúa. Tuy nhiên sau đó không còn lúa để cân nữa nên số tiền cọc lúa vẫn chưa được trừ.

Trước đây khi mua lúa thì ông có trả cho anh "cò Nạn" dư là 31.800.000 đồng. Số tiền này ông Đ đã nhận của ông Cò N. Sau đó, có trừ tiền cọc của ông Đ 25.000.000 đồng. Vợ ông Đ chuyển khoản trả 10.000.000 đồng. Như vậy, ông Đ còn nợ lại ông 96.800.000 đồng.

Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ trả ông số tiền 96.800.000 đồng. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông và ông L Em có hợp đồng thu mua lúa, theo đó ông sẽ đặt cọc mua lúa với các hộ dân, đến ngày thu hoạch thì ông Lượng E sẽ trực tiếp đến các hộ dân để cân lúa. Ông L Em cân lúa, được bao nhiêu thì ông Lượng E sẽ trả tiền lúa cho các hộ dân.

Đầu năm 2024 thì ông Lượng E có đưa tiền cọc cho ông là 100.000.000 đồng để đặt cọc tiền mua lúa.

Sau khi các hộ dân thu hoạch lúa và cân lúa cho ông Lượng E thì đã trừ một phần tiền cọc lúa. Ông thống nhất còn nợ lại ông Nguyễn Văn L Em số tiền nợ là 96.800.000 đồng.

Tuy nhiên vụ lúa vừa rồi (đầu năm 2025) ông Lượng E có nhờ ông đặt cọc 100 công lúa 504 của các hộ dân với giá 6.100 đồng lọt ghe. Ông đã đặt cọc tiền lúa cho các hộ dân. Tuy nhiên đến thời điểm thu hoạch lúa thì ông có kêu ông L vô kiểm lúa cắt thì ông L Em coi lúa và nói lúa dơ nên kêu bớt 500đồng/kg lúa. Thì ông có hỏi dân nhưng các hộ dân không đồng ý bớt giá nên ông L không cân lúa. Do ông Lượng E không chịu cân lúa nên không lấy lại lại tiền cọc được. Việc ông đặt cọc tiền lúa có sự đồng ý của ông Lượng E. Ông gọi điện thoại nói chuyện với ông Lượng E về việc đặt cọc tiền lúa chứ không lập thành văn bản. Tổng số tiền cọc mà ông đã đặt cọc là 30.000.000 đồng. Đối với số tiền 30.000.000 đồng này ông không yêu cầu phản tố trong vụ án này. Khi có yêu cầu ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt; căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Lượng E. Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho ông Nguyễn Văn L Em số tiền 96.800.000 đồng.

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải nộp số tiền án phí có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ông Nguyễn Văn L Em khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ cư trú tại ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, nguyên đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải thanh toán số tiền gốc là 96.800.000; Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Nguyễn Văn L Em và ông Nguyễn Văn Đ cùng thống nhất xác định ngày 15/3/2024 ông Nguyễn Văn L Em và ông Nguyễn Văn Đ có ký hợp đồng mua lúa với nhau. Theo đó ông Lượng E đưa cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền cọc là 100.000.000 đồng để ông Đ cọc lúa cho các hộ dân. Thỏa thuận giá lúa là 8.400 đồng, cọc mua 300 tấn lúa. Đến khi nào cắt lúa thì ông đưa ghe đến để cân lúa. Như vậy, quan hệ mua bán lúa giữa ông Nguyễn Văn L Em và ông Nguyễn Văn Đ là hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Văn Đ thừa nhận còn nợ lại tiền hợp đồng mua bán lúa của ông Nguyễn Văn L Em số tiền 96.800.000 đồng và ông ý trả cho ông L Em Số tiền này. Đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Đối với số tiền cọc lúa 30.000.000 đồng ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu phản tố trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Đ phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L Em đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho của ông Nguyễn Văn L Em số tiền 96.800.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 4.840.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Lượng E đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.420.000 đồng theo biên lai thu tiền tại ứng án phí, lệ phí số 0005938 ngày 20/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau) được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Ghết